

Bản án số: 701/2025/DS-PT
Ngày: 09 – 12 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán:

Bà Võ Bích Hải.

Bà Nguyễn Thị Trang Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Dương Thanh Giềng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 367/2025/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 689/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1942; địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã C, thành phố Cần Thơ); địa chỉ liên hệ: Số 64, Bùi Q, khu dân cư A, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường H, thành phố Cần Thơ), (vắng mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Võ Văn G, sinh năm 1965 (vắng mặt).

2. Bà Trương Thị S, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã C, thành phố Cần Thơ).

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: Ông Võ Minh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 5, xã H, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 15/8/2025), (vắng mặt). Bà Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1988 (có mặt) và bà Lê Thùy A, sinh năm

1991 (có mặt); cùng địa chỉ: Số 29, VKt, phường C, Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 15/11/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn N, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã C, thành phố Cần Thơ), (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn G và bà Trương Thị S, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà Trần Thị L là mẹ ruột của ông Võ Văn G. Năm 2019, bà L có cho vợ chồng ông G, bà S mượn số tiền là 600.000.000 đồng, có hứa trả lãi suất ngân hàng cho bà L. Tuy nhiên, trả lãi được hai năm thì không trả nữa. Đến năm 2021, bà L có đưa cho vợ chồng ông G mượn số tiền là 1.000.000.000 đồng, tổng số tiền bà L cho vợ chồng ông G mượn là 1.600.000.000 đồng. Do là chỗ mẹ con ruột thịt nên khi đưa tiền bà L không lập biên nhận, chỉ có những người thân trong gia đình mới biết. Sau đó, do cần tiền nên bà L có nhận lại nhiều lần từ phía vợ chồng ông G, bà S với tổng số tiền là 780.000.000 đồng, số tiền còn thiếu lại là 820.000.000 đồng. Do tuổi cao sức yếu cần tiền chữa bệnh nên bà L nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông G gửi lại số tiền còn thiếu cho bà L nhưng vợ chồng ông G không trả. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Võ Văn G, bà Trương Thị S trả số tiền 820.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

- Tại các lời khai của bị đơn ông Võ Văn G trình bày:

Ông G thừa nhận vợ chồng ông có mượn của mẹ ông là bà L số tiền là 820.000.000 đồng. Cụ thể, lần 1 là 600.000.000 đồng, lần 2 là 220.000.000 đồng. Bà L cho vợ chồng ông mượn tiền không tính lãi suất. Ông hứa khi nào nhận được tiền quy hoạch thì trả lại số tiền cho mẹ là bà L. Do vợ chồng ông khó khăn nên không đồng ý chịu án phí.

- Tại các lời khai của bị đơn bà Trương Thị S trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của chồng bà là ông Võ Văn G. Bà đồng ý cùng với ông G trả cho bà L số tiền 820.000.000 đồng. Do vợ chồng khó khăn và do nguyên đơn kiện thì nguyên đơn phải chịu án phí.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 đã quyết định: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

Buộc ông Võ Văn G và bà Trương Thị S phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 820.000.000 đồng (*Tám trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/8/2025, các bị đơn ông Võ Văn G và bà Trương Thị S có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ và được Tòa án cấp sơ thẩm nhận vào ngày 22/8/2025. Ông G yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ và xin miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Bà S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ; yêu cầu xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng của bà S, vì bà không phải là bị đơn và yêu cầu miễn, giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn xác định: Đối với ông G xin thay đổi một phần kháng cáo từ yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm thành sửa bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu miễn tiền án phí sơ thẩm, phúc thẩm. Đối với bà S xin rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ; yêu cầu xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng của bà S, vì bà không phải là bị đơn. Nay giữ nguyên yêu cầu miễn, giảm tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

+ Đến thời điểm mở phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không có sự thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông G, việc rút một phần kháng cáo của bà S và chấp nhận yêu cầu kháng cáo còn lại của ông G và bà S, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) – viết tắt là Bộ luật TTDS, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo hướng miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông G, giảm án phí dân sự sơ thẩm cho bà S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần hai, nguyên đơn bà Trần Thị L vắng mặt không rõ lý do; bị đơn ông Võ Văn G và bà Trương Thị S vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp

pháp tham gia phiên tòa; riêng ông Võ Minh T vắng mặt không rõ lý do. Việc vắng mặt của những người vừa nêu không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật TTDS, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo; thời hạn kháng cáo của các bị đơn ông G và bà S là đúng chủ thể có quyền kháng cáo, đảm bảo về hình thức và còn trong thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 271, Điều 272, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật TTDS, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn xác định: Đối với ông G xin thay đổi một phần kháng cáo từ yêu cầu hủy bản án án dân sự sơ thẩm thành sửa bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm. Đối với bà S xin rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ; yêu cầu xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng của bà S, vì bà không phải là bị đơn. Nay giữ nguyên yêu cầu miễn, giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông G là không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật TTDS, nên được chấp nhận. Còn việc rút một phần kháng cáo của bà S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 284 của Bộ luật TTDS, nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 289 của Bộ luật TTDS để đình chỉ xét xử đối với phần kháng cáo đã rút.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn ông G về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông. Bà S yêu cầu miễn, giảm tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà. Xét thấy:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ở giai đoạn sơ thẩm ông G không có yêu cầu được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông và bà S phải chịu án phí số tiền 36.600.000 đồng (mỗi người phải chịu 18.300.000 đồng). Sau khi xét xử sơ thẩm ông G có đơn kháng cáo yêu cầu được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Thấy rằng, ông G sinh ngày 01/01/1965 là người cao tuổi, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Còn đối với bà S, khi kháng cáo có nộp đơn xin miễn tiền án phí, do hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của UBND xã Châu Thành, nên được giảm 50% của số tiền 18.300.000 đồng, nên bà S còn phải nộp số tiền 9.150.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm có liên quan đến kháng cáo, nên ông G và bà S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật TTDS và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do ông G được miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, nên không đặt ra xem xét việc hoàn trả lại. Còn bà S thì được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Từ những nhận định tại mục [4] nêu trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông G và bà S là có căn cứ, nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật TTDS, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo hướng như vừa nhận định, việc sửa bản án sơ thẩm là khách quan, vì phát sinh yêu cầu từ giai đoạn phúc thẩm.

[6] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông G, việc rút một phần kháng cáo của bà S và chấp nhận yêu cầu kháng cáo còn lại của ông G và bà S, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) – viết tắt là Bộ luật TTDS, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ theo hướng miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho ông G, giảm án phí dân sự sơ thẩm cho bà S là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần kháng cáo của bà Trương Thị S đã rút về việc yêu cầu hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ và yêu cầu xác định tư cách đương sự tham gia tố tụng của bà S, vì bà không phải là bị đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị đơn ông Võ Văn G và bà Trương Thị S (sau khi đã rút và thay đổi).

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2025/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ. Án tuyên như sau:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L.

- Buộc ông Võ Văn G và bà Trương Thị S phải trả cho bà Trần Thị L số tiền 820.000.000 đồng (Tám trăm hai mươi triệu đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

3.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn G được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 9.150.000 đồng (Chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn G và bà Trương Thị S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Trương Thị S số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002686 ngày 29/8/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 14 - Cần Thơ
- THADS khu vực 14 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn